

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HN&GD-ST

Ngày: 26-8-2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Thương;

2/ Ông Lê Hoàng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST-HN&GD ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-HN&GD ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Thạch Thị Thúy D, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Số nhà 02, đường số 35, tổ 4, thôn 4, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Võ Thái N, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số nhà 02, đường số 35, tổ 4, thôn 4, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, N đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, N đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 29/6/2007, chị Thạch Thị Thúy D và anh Võ Thái N đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do anh N nhậu nhiều, làm không đưa tiền cho chị D, không quan tâm vợ con, chị D và anh N hay gây lộn, chị D nhiều lần khuyên anh N nhưng anh N không thay đổi. Anh N nhậu nhiều vệ sinh cá nhân anh N không làm dẫn đến cơ thể có mùi hôi, chị D không chịu được. Anh N nói nhiều về việc thay đổi nhưng anh N không thực hiện. Vụ việc gần đây dẫn đến chị D quyết định ly hôn anh N là vào ngày 04/7/2021, con

bé nhỏ là Võ Thạch Khả Hân, sinh năm 2011 bị kính tử làm đứt tay rất sâu, anh N không đưa con đi bác sỹ mà chỉ đưa 200.000 đồng cho con bé mua băng keo cá nhân rồi đi nhậu. Sáng ngày 05/7/2021, chị D đi làm ca đêm về lúc 6 giờ sáng đã thấy anh N ngồi nhậu với bạn, chị D và anh N đã xảy ra cãi vã, kiểm tra tay của con gái vết thương khá sâu nên chị D đưa cháu đến trạm y tế xã Đông Hà khâu vết thương may 03 mũi. Còn nhiều chuyện nữa như ba mẹ con chị D bị người thân trong gia đình anh N xàm sở. Chị D thấy bản thân không được tôn trọng. Trong thời gian chị D làm và ở lại công ty anh N chưa bao giờ gọi điện thoại hay quan tâm gì chị D. Chị D và anh N ly thân hơn 1 năm 6 tháng. Từ ngày xảy ra sự việc cho đến nay chị D không còn muốn quan tâm chăm sóc cho gia đình nữa. Nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do đó chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh N.

Về con chung: Chị D thừa nhận giữa chị và anh N có với nhau 03 con chung tên Võ Thạch Bảo Th, sinh ngày 25/10/2007 và Võ Thạch Khả H, sinh ngày 13/10/2011. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn.

Tại phiên tòa: N đơn vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. N đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Thúy D ly hôn anh Võ Thái N.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của N đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc N đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

N đơn Thạch Thị Thúy D khởi kiện ly hôn với bị đơn Võ Thái N; bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: N đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 29/6/2007, có căn cứ khẳng định chị D và anh N tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị D và anh N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị D do anh N không quan tâm, chăm sóc gia đình, hay nhậu nhẹt và không chăm lo cho kinh tế gia đình; sau khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, anh N biết việc chị D đang có đơn yêu cầu ly hôn anh N tại Tòa án, tuy nhiên anh N không có động thái nào tác động để chị D rút lại đơn khởi kiện và hàn gắn lại quan hệ hôn nhân của anh chị, để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh N.

Qua kết quả xác minh đối với bà Lê Thị Diện (mẹ ruột của anh Võ Thái N) vào ngày 23/6/2022 thì về cơ bản giữa chị D và anh N có mâu thuẫn với nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D và anh N.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị D về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, N đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch D Thúy D.

1. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Thúy D ly hôn anh Võ Thái N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp vào ngày 29/6/2007, cấp cho chị Thạch Thị Thúy D và anh Võ Thái N hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của chị Thạch Thị Thúy D về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung, tài sản, nợ trong vụ án này.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009484 ngày 6/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Thạch Thị Thúy D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN